

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 1: 每天早餐过后, 我会走进书房, 读一读, 写一写, 累_____就泡一杯清茶, 听一首歌。

- A. 过 B. 了 C. 着 D. 得

Câu 2: 音乐_____属于伟大的音乐家, _____属于茫茫人海中的每一个人。

- A. 因为……所以…… B. 不论……都……
C. 不仅……还…… D. 不但……反而……

Câu 3: 到了红绿灯那儿_____右拐, 走不远就是儿童游乐区。

- A. 向 B. 对 C. 给 D. 凭

Câu 4: 你怎么在这种场合开他的玩笑, 弄_____人家很尴尬。

- A. 地 B. 的 C. 着 D. 得

Câu 5: 飞机_____就要起飞了, 请大家系好安全带。

- A. 马上 B. 赶忙 C. 顿时 D. 立刻

Câu 6: 王师傅设计的这套家具_____好看_____实用。

- A. 边……边…… B. 既……又……
C. 一边……一边…… D. 既……就……

Câu 7: _____对外经济贸易谈判_____, 这位女部长常使对手折服。

- A. 在……里 B. 在……内 C. 在……中 D. 在……下

Câu 8: 越南人民的胜利多么不容易_____!

- A. 啦 B. 呢 C. 啊 D. 吧

Câu 9: 你放心, 这种绿色食品_____受顾客欢迎, _____不愁没有市场。

- A. 除了……还…… B. 只要……就…… C. 不管……都…… D. 只有……才……

Câu 10: 科学家_____这种反常的现象作出了令人信服的解释。

- A. 对于 B. 至于 C. 关于 D. 由于

Câu 11: 酒后开车很危险, _____只喝了一点儿, 发生车祸的几率_____非常大。

- A. 要是……就…… B. 不只……而且……
C. 即使……也…… D. 不论……都……

Câu 12: _____今年春季雨量充足, _____夏粮获得了大丰收。

- A. 一旦……就…… B. 与其……不如……
C. 因为……所以…… D. 固然……但是……

Câu 13: 我们姐妹俩从小就养成了饭前洗手的_____。

- A. 练习 B. 习性 C. 习惯 D. 习俗

Câu 14: 导游给我们介绍的这_____独柱寺是河内有名的景点之一。

- A. 座 B. 块 C. 条 D. 根

Câu 15: _____少睡点儿觉, _____把这篇文章写完。

- A. 宁可……也要…… B. 无论……也……
C. 尽管……但是…… D. 除非……要不……

Câu 16: 这么多事, 老张一个人怎么做得_____呢。

- A. 起来 B. 过来 C. 下来 D. 下去

Câu 17: 我承认荣誉很有价值, _____我从来不曾为追求这些荣誉而工作。

- A. 不过 B. 却 C. 则 D. 甚至

Câu 18: 快要办出境手续了, 但护照_____找也找不着了, 王兰急得出了一身汗。

- A. 什么 B. 这样 C. 那么 D. 怎么

Câu 19: 自从开了自己的网店后, 我的生活跟以前完全不同了, 有时间就待在网上, _____逛街的兴趣都没了。

- A. 不但 B. 甚至 C. 因为 D. 即使

Câu 20: 花园_____的花卉不能摘, 你又不是不知道!

- A. 上 B. 中 C. 里 D. 下

Câu 21: 各所学校_____都提出为学生的德、智、体全面发展的计划, _____到目前为止未能彻底地实现。

- A. 由于……因此…… B. 虽然……但是……
C. 既然……就…… D. 哪怕……也……

Câu 22: 去年, 裁剪小组_____地完成了公司交给的任务, 因此得到领导的表扬。

- A. 出名 B. 优秀 C. 有名 D. 出色

Câu 23: 那天我没有仔细看, 所以对他的才艺表演只是有一个_____的印象。

- A. 概念 B. 大批 C. 大概 D. 大约

Câu 24: 今天正是个好机会, 我可以向他_____东南亚股票市场的情况。

- A. 了解 B. 知道 C. 明白 D. 理解

Câu 25: 只要打个电话人家就把货送来, 你_____要自己去呢?

- A. 一定 B. 何必 C. 不必 D. 未必

Câu 26: _____知道那些都不是正当理由, 那你当时为什么还同意他请假呢?

- A. 既然 B. 虽然 C. 要是 D. 即使

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 27: 父母的_____说不完, 道不尽, 我们每个人要铭刻在心。

- A. 恩情 B. 恩情 C. 恩情 D. 恩情

Câu 28: 学生们要为祖国工业化、现代化的事业做出应有的_____。

- A. 贡献 B. 贡献 C. 贡献 D. 贡献

Câu 29: 她是我们学校品学_____的学生。

- A. 兼优 B. 谦尤 C. 谦优 D. 兼尤

Câu 30: 时代不同了, 再按照老_____来做事就可能行不通了。

- A. 规臣 B. 规矩 C. 规矩 D. 规矩

Câu 31: 这样雄伟的_____, 竟然只用了半年的时间就完成了。

- A. 建筑 B. 建瓴 C. 健筑 D. 健瓴

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 32: 出国学习这一年使我感受到独立生活的不易。

- A. 名词 B. 动词 C. 形容词 D. 代词

Câu 33: 这个数码照相机质量很好, 只是价钱有点儿贵, 我买不起。

- A. 名词 B. 动词 C. 副词 D. 连词

Câu 34: 《红苹果别墅》这部电视连续剧很不错, 我想接着看下去。

- A. 连词 B. 副词 C. 形容词 D. 名词

Câu 35: 要是什么都要学就够你学一辈子的。

- A. 量词 B. 动词 C. 名词 D. 代词

Câu 36: 姐姐看着弟弟着急地问: “你的脸色怎么这么苍白呢?”

- A. 副词 B. 名词 C. 形容词 D. 代词

Câu 37: 离开老师已经近三十年了, 但他仍然在我的记忆里行走、微笑。

- A. 副词 B. 动词 C. 介词 D. 助词

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 38 đến câu 42.

一般家庭都在早上起床后开窗换气, 认为此时空气新鲜。其实, 空气新鲜不新鲜, 取决于污染的轻重, 取决于污染源的多少。

当地面温度高于高空温度时, 地面的空气上升, 污染物容易被带到高空扩散; 当地面温度低于高空温度时, 天空中就容易形成“逆温层”, 它像一个大盖子一样盖在地面上空, 使地面空气中各种污染物难以扩散。一般在夜间、早晨和傍晚地面温度低于高空温度时, 容易出现逆温层, 所以, 此时空气最不干净。白天太阳出来后, 地面温度迅速上升, 逆温层就会逐渐消散, 于是污染物也就很快扩散了。

据科学家们检测, 在一天二十四小时中, 上午、中午和下午空气污染很轻, 其中上午十点至下午三四点空气最为新鲜, 所以此时换气最佳; 早上、傍晚和晚上空气污染较为严重, 其中尤以早上七点左右为污染高峰时间, 空气最不新鲜。

(据1997年4月3日《羊城晚报》, 有删改)

Câu 38: 为什么一般家庭在早上起床后开窗换气?

- A. 早上天气凉快 B. 起床后顺手开窗
C. 认为早上的阳光对身体有好处 D. 认为早上空气新鲜

Câu 39: 什么时候开窗换气比较好?

- A. 早上和上午 B. 下午和傍晚 C. 晚上和夜间 D. 上午和下午

Câu 40: 什么时候空气比较新鲜?

- A. 高空温度低于地面温度时 B. 早上太阳刚出来时
C. 地面温度低于高空温度时 D. 地面温度和高空温度一样时

Câu 41: “逆温层”的主要作用是:

- A. 使污染物不易扩散 B. 使地面温度低于高空温度
C. 像盖子一样盖在地面上空 D. 使污染物容易扩散

Câu 42: 本文没有提到的内容是:

- A. 污染物的来源 B. 开窗换气的最佳时间
C. 形成逆温层的原因 D. 一般家庭开窗换气的习惯

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 43: Phiên âm đúng của từ 教书 là: _____.

- A. jiāoshù B. jiàoshū C. jiàoshù D. jiāoshū

Câu 44: Phiên âm đúng của từ 自卑 là: zì _____ ēi.

- A. d B. n C. b D. p

Câu 45: Phiên âm đúng của từ 招揽 là: zhāol _____.

- A. ǎng B. ǎn C. iǎn D. ǐn

Câu 46: Phiên âm đúng của từ 报刊 là: bào _____ ān.

- A. p B. h C. g D. k

Câu 47: Phiên âm đúng của từ 规模 là: g_____ mó.

- A. uān B. ān C. uī D. iū

Câu 48: Phiên âm đúng của từ 中毒 là: _____.

- A. zhōngdǔ B. zhòngdǔ C. zhòngdú D. zhōngdú

Câu 49: Phiên âm đúng của từ 虔诚 là: _____ iánchéng.

- A. x B. j C. m D. q

Câu 50: Phiên âm đúng của từ 脸颊 là: liǎnj_____.

- A. iá B. ié C. uán D. ián

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 51: 骗人是要付出代价的, 这你一开始就应该想到的。

- A. 受惩罚 B. 挣不到钱 C. 被批评 D. 价钱很高

Câu 52: 嫂子的性格很开朗, 都四十岁了, 但还那么年轻, 真是“笑一笑, 十年少”。

- A. 爱笑的人能年轻十岁 B. 乐观能使人显得年轻
C. 性格好的人很年轻 D. 乐观的人不会变老

Câu 53: 你别替他说情, 这样的人再不教育就晚了。

- A. 说好话 B. 介绍朋友 C. 说坏话 D. 介绍情况

Câu 54: 我觉得营养过量和运动过少是造成很多人肥胖的原因。

- A. 缺乏 B. 不好 C. 太少 D. 太多

Câu 55: 小阮是个很爱面子的人, 这次考试的成绩不太好, 你千万别告诉别人。

- A. 把成功的经验告诉别人 B. 让别人看到好的方面
C. 希望得到表扬 D. 希望自己成功

Câu 56: 中午他们都不回家吃饭, 我倒省心了。

- A. 很高兴 B. 省钱了 C. 不用担心 D. 不用做饭

Câu 57: 这栋楼的居住条件这样差, 相信很难会有理想的生活环境。

- A. 舒服 B. 满意 C. 合理 D. 高效

Câu 58: 你放心吧, 这个问题对我是小菜一碟, 准办好。

- A. 会做菜 B. 愿意 C. 很容易 D. 很方便

Câu 59: 这样复杂的操作过程连大人都很难完成, 更何况是十一二岁的孩子!

- A. 不但 B. 而且 C. 别说 D. 何必

Câu 60: 在妻子的要求下, 丈夫除了让步就别无选择了。

- A. 不忍心选择 B. 从不选择 C. 没别的选择 D. 不会选择让步

Câu 61: 嗨, 小张都长大了, 有的事你就睁一只眼, 闭一只眼吧。

- A. 不用多管 B. 闭上眼睛 C. 只关心一半 D. 假装近视眼

Câu 62: 昨天我们在联欢会上唱歌唱得很过瘾。

- A. 好听 B. 很晚 C. 热闹 D. 痛快

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 63: 这些模型都是 A 与实物一比二的 B 比例 C 缩小后 D 制成的。(按照)

Câu 64: A 对于 B 社会上的 C 现象 D 要坚决抵制。(不良)

Câu 65: 你们怎么现在才回来 A? 大家已经在这儿 B 等了 C 你们 D 了。(半天)

Câu 66: 应该 A 把 B 控制人口数量和 C 提高人口素质 D 为我国第一项基本国策。(确定)

Câu 67: 很多 A 领导人都 B 曾经在 C 工作 D 过很长时间。(最普通的岗位上)

Câu 68: 一位伟人说过: “不热烈 A 勇敢 B 追求 C 成功而能取得 D 成功, 世上绝无这样的人。”(地)

Câu 69: 我按他 **A** 的地址 **B** 找到了 **C** 他的家 **D**。(留下来)

Câu 70: **A** 站在那群 **B** 里边的 **C** 是大家喜欢的 **D** 影星。(最)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 71 đến câu 80.

(71)_____, 买东西总要上街去买, 现在, 呆在家里也能买到东西。网上购物已经成为一种新的购物方式。网上购物 (72)_____ 通过因特网来购物。在网上怎么样购物呢? 比如, 一家名 (73)_____ “啥都有” 的网上商店, 它的主页上列着商品种类的名称, 如化妆品、鞋帽、计算机、家用电器、服装等等。(74)_____ 你用鼠标点一下化妆品, 会展示一个关于化妆品的主页, 在这个主页上会有各种各样的品牌, 当你找到自己感兴趣的化妆品时, 用鼠标点一下, (75)_____ 出现一个网页, 上面详细介绍了该产品的特点、价格等有关问题。(76)_____, 网页上会有一个表格, 列有姓名、地址、购买数量、总金额、付钱方式等, 供你决定购买时填写。填了这个表格 (77)_____ 完成了购物, 商店会把东西送到你的家里。网上购物有几个优点: 首先, 你可以对感兴趣的商店做详细的了解。(78)_____, 你可以到各个网上商店了解各个品牌的情况, 十分方便。还有, 你不会 (79)_____ 上街购物那么累。对一部分消费者来说非常 (80)_____ 的一点是价格便宜。你自己可以试一试。

(摘自 百度网——百科知识, 有删改)

- | | | | |
|----------------------|-------|-------|-------|
| Câu 71: A. 往来 | B. 以往 | C. 将来 | D. 目前 |
| Câu 72: A. 不是 | B. 还是 | C. 而是 | D. 就是 |
| Câu 73: A. 当 | B. 成 | C. 起 | D. 为 |
| Câu 74: A. 不管 | B. 哪怕 | C. 如果 | D. 既然 |
| Câu 75: A. 再 | B. 却 | C. 也 | D. 又 |
| Câu 76: A. 因此 | B. 同时 | C. 因而 | D. 相同 |
| Câu 77: A. 将 | B. 还 | C. 为了 | D. 就 |
| Câu 78: A. 其次 | B. 次要 | C. 最后 | D. 然后 |
| Câu 79: A. 比 | B. 具有 | C. 像 | D. 如 |
| Câu 80: A. 主要 | B. 重要 | C. 重大 | D. 主张 |

----- HẾT -----